

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀ VANG
TP. ĐÀ NẴNG**

Bản án số: 50/2017/HSST
Ngày 12.12.2017

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀ VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Huỳnh Thị Thu Thương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Gạt

Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí.

2. Ông Ngô Hồng Khánh

Nghề nghiệp: Giáo viên.

Nơi công tác: Phòng Giáo dục huyện Hòa Vang.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Phạm Anh Tuấn - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên toà: Ông Trương Công Hòa - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 12.12.2017 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng mở phiên toà công khai để xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 43/2017/HSST ngày 03.10.2017 đối với bị cáo:

Võ Trần T - Sinh ngày 10/02/1994 tại Đà Nẵng; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Q, xã H, huyện H, thành phố Đ; Nghề nghiệp: Thợ cơ khí; Trình độ học vấn: 08/12; Tiền án, tiền sự: chưa; Con ông Võ Xuân Q (chết) và bà Trần Thị Tuyết C; Có vợ là Lưu Thị C – sinh năm 1995 và 01 con sinh năm 2014; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 14.9.2017, có mặt tại phiên toà.

- Người bị hại:

1. Ông Lữ Đình P - sinh năm 1975; Trú tại: Thôn Q, xã H, huyện H, thành phố Đ. (vắng mặt tại phiên toà)

2. Bà Đoàn Thị Hồng H – sinh năm 1981; Trú tại Thôn Q, xã H, huyện H, thành phố Đ. (vắng mặt tại phiên toà)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lữ Đình P - sinh năm 1975; Trú tại: Thôn Q, xã H, huyện H, thành phố Đ. (vắng mặt tại phiên toà)

2. Bà Đoàn Thị Hồng H – sinh năm 1981; Trú tại: Thôn Q, xã H, huyện H, thành phố Đ. (vắng mặt tại phiên toà)

3. Anh Đặng Văn N– sinh năm 1994; Trú tại: Tổ 59 X, phường H, quận L, thành phố Đ. (vắng mặt tại phiên toà)

4. Ông Phạm B – sinh năm 1977; Trú tại: Tổ 140, phường H, quận L, thành phố Đ. (vắng mặt tại phiên toà)

5. Chị Võ Thị Thùy D – sinh năm 1987; Trú tại: Kiệt 571/07 đường T, phường H, quận L, thành phố Đ. (vắng mặt tại phiên tòa)

NHẬN THẤY:

Bị cáo Võ Trần T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Do cần tiền để trả nợ và tiêu xài cá nhân nên vào ngày 15.01.2017, Võ Trần T nảy sinh ý định đến nhà anh rể của mình là Lữ Đình P để mượn xe mô tô đi cầm cố. Vào khoảng 20 giờ cùng ngày, T đến nhà ông P gặp và nói dối với ông P cho T mượn xe để đón mẹ đi làm về. Sau khi nghe T nói như thế, ông P tin tưởng là thật nên đồng ý cho T mượn xe mô tô biển kiểm soát 43Y1-3517. Sau khi mượn được xe, T điều khiển đi đến nhà Đỗ Viết Th để mượn tiền nhưng Th không có tiền. Lúc này có Đặng Văn N nên Th đứng ra bảo đảm và bảo Đặng Văn N cho T mượn số tiền 7.000.000đ thì N đồng ý, đồng thời T để lại xe mô tô biển kiểm soát 43Y1-3517 để làm tin. Sau khi có được tiền, T dùng trả nợ và tiêu xài cá nhân.

Qua nhiều ngày không thấy T mang xe về trả, ông P có hỏi thì T nói là xe đang bị Công an giữ và do ông P bận đi công tác xa nên không hỏi gì về xe mô tô 43Y1-3517.

Đến ngày 05.5.2017, khi bà Đoàn Thị Hồng H về nhà mẹ ruột là bà Trần Thị Tuyết C để chơi. Thấy xe mô tô của bà H là chị ruột của T, T nảy sinh ý định mượn xe để đi cầm cố nên T nói với bà H mượn xe mô tô để đi công chuyện nhưng bà H không cho T mượn. Lúc này, T nảy sinh ý định lợi dụng lúc bà H ngủ trưa sẽ chiếm đoạt chiếc xe mô tô này. Vào khoảng 13 giờ cùng ngày, lợi dụng lúc bà H đang ngủ trưa, T lén lút dắt xe mô tô biển kiểm soát 43K1-236.39 ra khỏi nhà rồi đi đến nhà Nguyễn Hữu Th rủ Th đi nhậu và sau đó rủ Th đi cầm xe. Trước khi đi Th hỏi “xe ai mà cầm” thì T nói là “xe của ta”. Sau đó T điều khiển xe mô tô 43K1-236.39 chở Th đến nhà Phạm B để cầm số tiền 7.000.000đ. Sau khi trừ cho phí cầm xe một tháng thì T nhận được số tiền 5.600.000đ. T viết giấy mượn tiền và để lại xe mô tô trên cùng chứng minh nhân dân của T. Sau khi nhận được tiền, T dùng để trả nợ và tiêu xài cá nhân.

Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, bà H ngủ dậy không thấy xe mô tô nên đã điện thoại cho ông P, bà C biết. Sau khi T đi cầm xe về thì ông P, bà H hỏi T thì T khai nhận đã đem 02 chiếc xe mô tô trên đi cầm lấy tiền tiêu xài cá nhân và trả nợ nên ông P và bà H đã làm đơn tố cáo T.

Tại Cơ quan điều tra, Võ Trần T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

* Tang vật tạm giữ gồm:

- 01 xe mô tô biển kiểm soát 43Y1-3517;
- 01 xe mô tô biển kiểm soát 43K1-236.39;
- 01 CMND số 201731216 mang tên Võ Trần T do Công an thành phố Đà Nẵng cấp ngày 24.6.2013;

Tại bản cáo trạng số 46/KSĐT ngày 02.10.2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Võ Trần T về tội “Lừa đảo

chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 139 của Bộ Luật hình sự và tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà hôm nay, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố Nhà nước tại phiên toà giữ nguyên quan điểm đã truy tố, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 139, khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1, 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự, Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội xử phạt Võ Trần T từ 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng tù về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và từ 15 (mười lăm) tháng đến 18 (mười tám) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Áp dụng Điều 50 của Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt đối với bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Tại phiên toà hôm nay, bị cáo Võ Trần T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy HĐXX có đủ cơ sở kết luận:

Vào ngày 15.01.2017, tại thôn Quan Nam 4, xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, do cần tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân, Võ Trần T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của ông Lữ Đình P mang đi cầm lấy tiền nên đã có hành vi nói dối để ông P tưởng thật cho T mượn xe mô tô biển kiểm soát 43Y1-3517. Sau khi mượn được xe thì T mang cầm cho Đặng Văn N để lấy số tiền 7.000.000đ. Vào ngày 05.5.2017 T tiếp tục lén lút dắt trộm 01 xe mô tô biển kiểm soát 43K1-236.39 của bà Đoàn Thị Hồng H mang đi cầm cố cho ông Phạm B để lấy số tiền 6.500.000đ. Theo kết luận về việc định giá theo Trung cầu định giá số 15 ngày 26.5.2017 xác định xe mô tô biển kiểm soát 43Y1-3517 có giá trị 8.750.000đ, xe mô tô biển kiểm soát 43K1-236.39 có giá trị 24.400.000đ. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Trộm cắp tài sản” qui định tại khoản 1 Điều 139 và khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự như cáo trạng số 46/KSĐT ngày 02.10.2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng đã truy tố là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật.

Xét thấy, hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản của người khác, gây ảnh hưởng đến trật tự trị an của xã hội, do đó cần thiết xét xử bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Năm 2013 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang xử phạt tù về tội “Cướp giật tài sản” và chấp hành xong hình phạt vào ngày 18.3.2014, HĐXX áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội xét xử theo hướng có lợi cho bị cáo, xác định bị cáo đã được xóa án tích. Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo có hoàn

cảnh gia đình khó khăn, có cha tên Võ Xuân Q được Bộ trưởng Bộ quốc phòng tặng Bằng khen vì sự nghiệp bảo vệ và xây dựng Tổ quốc. Vì vậy, HĐXX áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm p khoản 1, 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo một phần. Cần áp dụng Điều 50 của Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng:

Sau khi sự việc xảy ra ông Lữ Đình P, bà Đoàn Thị Hồng H đã nhận lại tài sản bị mất là xe mô tô biển kiểm soát 43Y1-3517, xe mô tô biển kiểm soát 43K1-236.39 và không yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Đối với Đặng Văn N, khi cho T mượn tiền thì T tự nguyện để lại xe mô tô biển kiểm soát 43Y1-3517 làm tin, N hoàn toàn không biết xe mô tô do T phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý là có cơ sở. Trong quá trình điều tra, xét xử vụ án, Đặng Văn N yêu cầu Võ Trần T trả lại số tiền 7.000.000đ nên HĐXX buộc Võ Trần T có nghĩa vụ trả cho Đặng Văn N số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng).

Đối với ông Phạm B đã có hành vi cầm cố xe mô tô biển kiểm soát 43K1-236.39, ông B không có giấy phép kinh doanh dịch vụ cầm đồ theo quy định của pháp luật và cũng không biết xe do T phạm tội mà có nên Công an huyện Hòa Vang ra quyết định xử lý hành chính đối với ông Phạm B là có cơ sở. Quá trình xét xử vụ án, ông Phạm B có đơn không yêu cầu Võ Trần T trả lại số tiền 5.600.000đ nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Đối với CMND số 201731216 mang tên Võ Trần T do Công an thành phố Đà Nẵng cấp ngày 24.6.2013, xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án nên trả lại cho Võ Trần T.

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo qui định của pháp luật.

Án phí dân sự sơ thẩm Võ Trần T phải chịu là 350.000đ (Ba trăm năm mươi nghìn đồng) ($7.000.000đ \times 5\% = 350.000đ$)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Võ Trần T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 139; điểm p khoản 1, 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự, Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội.

Xử phạt: Võ Trần T **09 (chín)** tháng tù.

Áp dụng: khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1, 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự, Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội.

Xử phạt: Võ Trần T **12 (mười hai)** tháng tù.

Áp dụng Điều 50 của Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt bị cáo Võ Trần T phải chấp hành là **01(một)** năm **09 (chín)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam, ngày 14.9.2017.

Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng:

Áp dụng: Điều 42 của Bộ luật hình sự, Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên:

Buộc Võ Trần T có nghĩa vụ trả cho Đặng Văn N số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng).

Trả lại cho Võ Trần T 01 CMND số 201731216 mang tên Võ Trần T do Công an thành phố Đà Nẵng cấp ngày 24.6.2013. (Hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang đang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 11.12.2017)

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu là 200.000đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm Võ Trần T phải chịu là 350.000đ (Ba trăm năm mươi nghìn đồng)

Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay, ngày 12.12.2017. Riêng người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Hoà Vang;
- Chi cục THADS huyện Hoà Vang;
- Công an huyện Hoà Vang;
- Phòng Kiểm tra TAND tpĐN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(đã ký)

Huỳnh Thị Thu Thương